TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2019/DS-ST
Ngày: 07/8/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam

Bà Trần Thị Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG TT

Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, trú tại Đường B, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 787/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trịnh Viết H, sinh năm 1970

Thường trú: Đường Đ, Phường M, Q PN, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 10/12/2018 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày:*

Ngày 09/5/2013, ông Trịnh Viết H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng TMCP SG TT (sau đây gọi là Ngân hàng). Theo đó Ngân hàng chấp nhận phát hành thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng, số thẻ 472075-3721.

Sau một thời gian sử dụng, ngày 04/6/2014 ông H ký Giấy đăng ký phát hành thêm thẻ tín dụng và Ngân hàng đã phát hành thêm thẻ tín dụng số 436438-3592, có hạn mức sử dụng chung với thẻ số 472075-3721 là 71.000.000 đồng.

Sau khi được cấp hai thẻ tín dụng nêu trên, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.216.015.874 đồng, trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 1.082.971.971 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 1.133.043.903 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.171.431.040 đồng, trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 1.036.297.267 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 1.135.133.773 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày 05/9/2017 ông H không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 131.022.980 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng) trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 95.810.447 đồng gồm nợ gốc là 57.865.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.945.050 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 35.212.533 đồng gồm nợ gốc là 21.405.933 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.806.600 đồng tạm tính đến ngày 07/8/2019. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/5/2013. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Trịnh Viết H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của ông Trịnh Viết H, có cơ sở xác định ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ Điều 74, Điều 90, Điều 103, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện ông H đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 01, quận Phú Nhuận, ông Trịnh Viết H có đăng ký hộ khẩu tại Đường Đ, Phường M, Q PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng thực tế ông H không cư ngụ tại địa phương, hiện ông H đi đâu không rõ, không báo với cơ quan chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập ông H để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 18/6/2019, phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 17/7/2019 và phiên tòa hôm nay nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, ông H không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông H đã ký ngày 09/05/2013, nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và Ngân hàng phê duyệt hạn mức 50.000.000 đồng. Ông H cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc nghĩa vụ bởi bản Điều khoản và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là bản Điều khoản). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật.

Xét tại Điều 17 của bản Điều khoản, Ngân hàng được quyền quyết định bất kỳ sự tăng hạn mức tín dụng. Do đó việc Ngân hàng tăng hạn mức tín dụng từ 50.000.000 đồng đến 71.000.000 đồng là phù hợp.

Ngày 05/9/2017 ông H không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo Điều 2, Điều 8 và Điều 23 của bản Điều khoản, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ là 79.271.330 đồng trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 57.865.397 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 21.405.933 đồng chuyển sang nợ quá hạn.

Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng, lãi suất thẻ tín dụng là 2,15%/tháng và cho đến nay Ngân hàng không có thay đổi mức lãi suất này. Tại Điều 23 bản Điều khoản áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 2,15%/tháng x 150% = 3,225%/tháng. Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước, lãi suất Ngân hàng áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H trả toàn bộ số tiền 131.022.980 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng) trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 95.810.447 đồng gồm nợ gốc là 57.865.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.945.050 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 35.212.533 đồng gồm nợ gốc là 21.405.933 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.806.600 đồng tạm tính đến ngày 07/8/2019. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/5/2013. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 13, Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khi ông H không thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng hai thẻ tín dụng nêu trên, chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn là phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.551.149 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.679.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0041508 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11, khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG TT.

Ông Trịnh Viết H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG TT số tiền 131.022.980 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng) trong đó thẻ tín dụng số 472075-3721 là 95.810.447 đồng gồm nợ gốc là 57.865.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.945.050 đồng và thẻ tín dụng số 436438-3592 là 35.212.533 đồng gồm nợ gốc là 21.405.933 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.806.600 đồng tạm tính đến ngày 07/8/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trịnh Viết H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/5/2013.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Trịnh Viết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.551.149 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

Ngân hàng TMCP SG TT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.679.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0041508 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP SG TT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Viết H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà